

Bản án số: 157/2020/HS-ST

Ngày: 13-8-2020.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trục.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

T ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Linh - T ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Dương Phước An- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 149/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn n, giới tính: Nam; sinh ngày 23/9/1995, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Lê Văn Cu (Đức), sinh năm 1973; con bà Dương Thị Nga, sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không. Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 27/4/2020. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Dương Thị Minh T, sinh năm 1962; địa chỉ: phường An Đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn n:* Ông Nguyễn Văn Kỷ - Luật sư Công ty Luật Kỷ Nguyễn và Cộng sự thuộc đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: 7/92 Đặng Huy Trứ, phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Lê Hữu Đăng (tên gọi khác: Sạn), sinh năm 1991; địa chỉ: 127 Đặng Văn Ngữ, phường An Đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản cáo trạng số: 165/CT-VKS-HS, ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Văn n về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 06/01/2020, Lê Văn n đến nhà bà Dương Thị Minh T để lấy tiền giúp người bạn tên Sạn. Vì không quen biết với n nên bà T dùng điện thoại di động Iphone 8Plus của mình gọi hỏi Sạn, Sạn đồng ý để n nhận tiền. Lúc này, n nói với bà T: “Đúng chưa dì, dì cho con mượn điện thoại nói chuyện với bạn một chút”. Bà T tin tưởng đưa điện thoại di động cho n còn bà T đi vào nhà để chuẩn bị số tiền 26.000.000 đồng để trả. Sau khi nói chuyện với Sạn xong, n nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của bà T nên bỏ điện thoại vào túi quần của mình và lấy số tiền bà T đưa cho rồi đi về nhà. Khi về đến nhà, n tắt nguồn điện thoại di động và cất giấu trong phòng thờ của gia đình. Bà T sau khi tìm điện thoại không thấy, nghi ngờ n lấy nên trình báo Cơ quan Công an giải quyết theo quy định pháp luật.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 8Plus 64 GB, màu vàng đã qua sử dụng, số Imei: 356773084168998.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG ngày 08/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế xác định 01 (một) điện thoại di động Iphone 8Plus 64 GB, màu vàng đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 06/01/2020 có giá trị là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Ngày 25/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại 01 (một) điện thoại trên cho bà Dương Thị Minh T. Bà T nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đối với bị cáo Lê Văn n đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Lê Văn n từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Lê Văn n 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm.

Ý kiến của bị hại: Bà Dương Thị Minh T đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì về dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng

cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thì có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 06/01/2020, Lê Văn n mượn điện thoại di động của bà Dương Thị Minh T để gọi điện cho bạn, khi gọi điện xong thì nảy sinh ý định chiếm đoạt, lợi dụng bà Minh T không để ý, n đã bỏ chiếc điện thoại của bà T vào túi quần của mình, đem về nhà tắt nguồn và cất giấu. Giá trị chiếc điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Do đó, bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Lê Văn n là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi bị cáo gây ra phạm vào khung hình phạt ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh trong xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng có tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn n phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn n 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn n cho Ủy ban nhân dân xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Lê Văn n có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thủy Thanh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Văn n phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- CA thành phố Huế;
- Nhà tạm giữ Công an TP Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Quý Vân

